

Bản án số: 966/2023/HS-PT

Ngày: 18 - 12 - 2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huỳnh

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhựt Bình

Bà Nguyễn Thị Thúy Hòa

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thành Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 763/2023/TLPT-HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Quang Minh C, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ và Trần Tấn P. Do có kháng cáo của các bị cáo Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Hữu T4, Trần Tấn P, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Quang Minh C, Nguyễn Thanh Đ và đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị T5 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Bị cáo kháng cáo và bị kháng cáo:

1. Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1994 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 8, đường P, phường A, T, thành phố. Hồ Chí Minh; Tạm trú: khu phố A, thị trấn D, Tp., tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê. Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Nguyễn Tiến D1, sinh năm 1970 và bà Vân Thị T6, sinh năm 1971; Chị ruột có 01 người, sinh năm 1993. Tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 04/9/2015, bị Tòa án nhân dân (TAND) quận T, thành phố Hồ Chí Minh tuyên phạt 05 năm tù về tội cướp giết tài sản, theo khoản 2 Điều 136 Bộ luật Hình sự năm 1999, tại bản án số 234/2015/HSST; ngày 25/8/2018 chấp hành xong hình phạt tù tại Nhà tạm giữ Công an quận T. Chưa xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2022 cho đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Nam T (tên gọi khác: Tú Đ1), sinh năm 1992 tại Kiên Giang; Nơi cư trú: ấp G, xã L, huyện L, tỉnh Hậu Giang; Tạm trú: khu phố A, thị trấn D, Tp ., tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 6/12; Con ông Nguyễn Nam T7, sinh năm 1973 và bà Tăng Minh Kim T8, sinh năm 1976. Tiền sự: Không.

Tiền án: 01 lần, ngày 15/4/2021 bị TAND thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 12 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản, tại bản án số 52/HSST, chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam K1- Bộ C2. Chưa xóa án tích.

Về nhân thân: Ngày 02/02/2010, bị TAND huyện (nay là thành phố) P, tỉnh Kiên Giang tuyên phạt 01 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích, tại bản án số 06/HSST, đã chấp hành xong hình phạt. Đã xóa án tích.

Ngày 13/6/2013 bị TAND tỉnh Kiên Giang xử phúc thẩm tuyên phạt 04 năm tù về tội cố ý gây thương tích, tại bản án số 132/2013/HSPT, đã chấp hành xong hình phạt. Đã xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 14/3/2023 cho đến nay (có mặt).

3. Huỳnh Thanh T1, sinh năm 1994 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: ấp E, xã T, huyện C, thành phố Cần Thơ; Tạm trú: khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 7/12; Con ông Huỳnh Thanh T9, sinh năm 1973 và bà Trần Thị T10, sinh năm 1973; Vợ Châu Ngọc T11, sinh năm 1996; Con có 01 người, sinh năm 2020. Em ruột có 02 người, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/02/2023 cho đến nay (có mặt).

4. Nguyễn Trung T2, sinh năm 1995 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Tạm trú: khu phố A, thị trấn D, Tp ., tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 6/12. Con ông Nguyễn Thanh T12, sinh năm 1978 và bà La Thị V, sinh năm 1978; Em ruột: 01 người, sinh năm 1999; Vợ Nguyễn Thị Hoài T13, sinh năm 1999; Con có 02 người, sinh năm 2014 và năm 2020; Tiền sự, Tiền án: Không.

Về nhân thân, bị TAND huyện Hóc Môn, thành phố Hồ Chí Minh tuyên

phạt 03 năm tù về tội cố ý gây thương tích, tại bản án số 77/HSST, ngày 18/4/1014; chấp hành xong hình phạt tù tại Trại giam C3 - Bộ C2. Đã xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2022 cho đến nay (có mặt).

5. Nguyễn Quang Minh C, sinh năm 1987 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 8 C, phường A, T, thành phố Hồ Chí Minh; Tạm trú: khu phố A, thị trấn D, Tp ., tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Quang B, sinh năm 1962 và bà Võ Thị H, sinh năm 1963; Em ruột có 01 người, sinh năm 1988; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2022 cho đến nay (có mặt).

6. Trần Đức T3, sinh năm 1999 tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi cư trú: 72/8/2 A, đường H, tổ C, khu phố B, phường A, quận T, thành phố Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm Thuê. Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Trần Văn Đ2, sinh năm 1972 và bà Lê Thị Thu N, sinh năm 1967; Em ruột có 01 người, sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2022 cho đến nay (có mặt).

7. Nguyễn Hữu T4, sinh năm 1994 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực T, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Tạm trú: khu phố A, thị trấn D, Tp ., tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị Kim H2, sinh năm 1969; Em ruột có 01 người, sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2022 cho đến nay (có mặt).

8. Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1992 tại Hậu Giang; Nơi cư trú: ấp E, xã V, huyện V, tỉnh Hậu Giang; Tạm trú: khu phố A, thị trấn D, Tp ., tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1967 và bà Lê Thị H3, sinh năm 1973; Vợ Thị Thì S, sinh năm 1993; Con Nguyễn Ngọc Như Ý, sinh năm 2021; Em ruộtcó 01 người, sinh năm 1997; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2022 cho đến nay (có mặt).

9. Trần Tấn P, sinh năm 1994 tại Cần Thơ; Nơi cư trú: khu vực T, phường L, quận Ô, thành phố Cần Thơ; Tạm trú: khu phố A, thị trấn D, Tp ., tỉnh Kiên Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm Thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Con ông Trần Văn T14, sinh năm

1965 và Phạm Bích T15, sinh năm 1966; Em ruột: 01 người, sinh năm 2000; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/4/2022 cho đến nay (có mặt).

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Hoàng D; Trần Tấn P; Nguyễn Nam T: Luật sư **Thái Đức G** - Công ty L3 - thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

Địa chỉ: số A, ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Thanh T1: Luật sư **Trần Dương Hoàng T16** - Văn phòng L4 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

- Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Quang Minh C1: Luật sư **Lại Hùng A** - Văn phòng L5 thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

Địa chỉ: ấp V, thị trấn V, huyện V, tỉnh Kiên Giang.

- Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Trung T2: Luật sư **Thái Đức G** - Công ty L3 - thuộc Đoàn luật sư tỉnh K (có mặt).

Địa chỉ: số A, ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

- Người bị hại: Ông Trần Hoàng G1, sinh năm 1969 (đã chết).

- Đại diện hợp pháp của bị hại: Bà **Trần Thị T5**, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: ấp S, xã D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 16 giờ ngày 09/4/2022, Trần Hoàng G1, Trần Văn N1 (T12), Cao Tấn B1 và một số người bạn tổ chức uống bia tại quán Q, ở số D, đường N, khu phố A, phường D, thành phố P, tỉnh Kiên Giang. Lúc này, Nguyễn Đăng K là Đội trưởng đội bảo vệ của quán bar I1 thuộc khu phố A, phường D, thành phố P được rủ đến nhậu chung. Thời gian ngồi nhậu chung, K đi lại dẫm lên chân của B1 nên xảy ra cự cãi. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày thì nghỉ nhậu, G1 đi ra ngoài tính tiền quán rồi quay trở lại phòng nhậu, thấy K và B1 cự cãi nên G1 bênh vực B1 thì được mọi người can ngăn ra nhà xe của quán. Tại đây, T12 can ngăn K đứng phía trong nhà xe, còn ông Bùi Tấn L1 (chủ quán) can ngăn G1 đứng phía trước nhà xe. Khi đứng ở nhà xe, giữa G1 và K tiếp tục cự cãi, thách đánh nhau. Tại thời điểm này, Lê Thị Châu P1 là nhân viên quán, điện thoại cho Nguyễn Hữu T17 (Bi) là nhân viên bảo vệ quán bar I1 đặt bàn để khuya đến chơi, thấy G1 và K đang cự cãi nên nói cho T17 biết. T17 liền điện thoại kêu Huỳnh Thanh T1, là bảo vệ bar 9E đến quán Q bị đánh như thế nào.

Lúc này Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thanh Đ, Trần Đức T3, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Quang Minh C, Nguyễn Hữu T4, Trần Tấn P, Nguyễn Nam T (T) đều là bảo vệ bar 9E đang làm việc tại bar I thì Tồng hô to, kêu cả nhóm: “anh K bị đánh ở quán Q, anh em qua đó hết”. Nghe T1 kêu, cả nhóm biết đi đánh tiếp K nên lên xe chạy đến quán Q; cùng đi có 01 thanh niên mặc áo trắng, có hoa văn ở lưng áo có tên là T17 (chưa xác định được nhân thân). Khi đi thì Đ điều khiển xe mô tô biển số 94F1- 111.18 chở Đức T3 chạy đi trước; tiếp theo T1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Sirius (không xác định được biển số, xe của ông Nguyễn Văn H4 cho Trung T2 mượn) chở Trung T2, Trung T2 đem theo 04 cây roi điện; tiếp theo T4 điều khiển xe mô tô hiệu Wave Trung Quốc, không rõ biển số chở P và T17 (mặc áo trắng); sau cùng C điều khiển xe mô tô biển số 59P2-818.82 chở T và D, trong đó D lấy theo cây dao bấm xếp dài 22,5cm để vào túi quần. Khi Đ, Đức T3, T1, T đến quán Q, thấy G1, ông L1 và Võ Chí T18 là nhân viên quán Q1 đứng phía trước nhà xe; còn K được T12 can ngăn lại phía trong nhà xe. Thấy Đ, Đức T3, T1, Trung T2 đến, K xông ra và chỉ tay về phía G1 nói: “đánh chết mẹ nó”. Lúc này Đ, Đức T3, T1, Trung T2 chưa xác định được G1 để đánh nên xông đến định đánh ông L1 và T18 nên ông L1 và T18 nói nhầm người rồi thì Đ, Đức T3, T1, Trung T2 chạy qua, vô trong quán tìm G1 để đánh. Ngay lúc này, T4, P, T17, C, D, T chạy xe đến cùng xông vào quán tìm G1 để đánh. Khi cả nhóm chạy vào quán, không tìm được G1 nên quay trở ra trước nhà xe thì thấy K xông vào đánh G1, bị G1 đánh trả té ngã thì cả nhóm đồng loạt xông vào đánh G1. Trong đó, D dùng tay phải lấy cây dao trong túi quần ra, bấm bật lưỡi dao hướng vào ngón tay cái (cầm cán dao theo kiểu nắm đấm thông thường, mu bàn tay quay lên trên), nhào vô đâm liên tiếp vào người G1 02 nhát, trong đó 01 nhát trúng vào hông trái, 01 nhát trúng vào lưng, sau đó D cầm dao đi ra ngoài đứng. Còn Đ, Đức T3, T1, Trung T2, T4, P, C, T và T17 (mặc áo trắng), lúc này đều mang giày, vẫn xông vào dùng tay, chân đánh, đá liên tiếp vào người G1. Đến khi G1 té ngã trên nền nhà xe, không còn khả năng kháng cự, hai tay ôm đầu, nằm co người thì các bị can vẫn tiếp tục đánh. Trong đó: Đ dùng chân đạp liên tiếp nhiều cái vào người G1; Đức T3 dùng chân đá liên tiếp nhiều cái vào người G1; T1 dùng chân dậm, đá liên tiếp vào người G1; Trung T2 cầm roi điện ghim vào bụng của bị hại để giật điện; T4 dùng chân đá liên tiếp nhiều cái vào người G1; P dùng chân trái đang mang giày đá liên tiếp nhiều cái vào người G1, trong đó xác định đá 02 cái trúng vào chân của bị hại; C dùng tay đánh từ trên xuống vào người bị hại G1 nhiều cái; T dùng tay đánh G1 nhiều cái, đến khi G1 nằm nghiêng, mất khả năng kháng cự thì dùng chân phải đá mạnh vào mặt G1 thêm 01 cái; còn T17 (mặc áo trắng) bay người, dùng chân đạp G1 té ngã và dùng chân đá, dậm bị hại G1 nhiều nhất. Lúc

này, Nguyễn Quang Minh N2 cũng là bảo vệ bar 9E chở Nguyễn Hữu T17 (B) đến, thấy nhóm bảo vệ đang đánh G1 nằm gục nên Hữu Trí vào can ngăn, kêu cả nhóm ra về, còn N2 đứng bên ngoài đợi. Lúc này nhóm chăm sóc khách hàng của bar 9E gồm có: Nguyễn Thanh M, Lê Huỳnh Đ3, Lê Vũ P2, Phan Văn T19, Dương Bảo T20 cũng chạy đến, đứng ngoài đường nhìn thấy nhóm bảo vệ 9E đang đánh G1, riêng M thấy T đá vào mặt G1 nên vào can ngăn. Sau đó cả nhóm lên xe về quán bar I1, lúc này xe ô tô của K đang đỗ trong nhà xe, G1 bị đánh nằm gục chắn lối ra nên T1 kêu C kéo lê hát G1 qua một bên để T1 lùi xe ra về, C hát mạnh làm đầu của G1 đập lên nền nhà xe. Khi về bar 9E thì cả nhóm làm việc bình thường, riêng D thấy lưỡi dao bị dính máu nên vào nhà vệ sinh rửa rồi đem cất giấu. Đến khi Đào Trọng H5 là chủ quán bar I1, hay tin nhân viên đánh chết người nên gọi hỏi thì D thừa nhận đâm G1 tử vong. Sau đó Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Thanh Đ, Trần Đức T3, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Hữu T4, Trần Tấn P, Nguyễn Quang M1 C đến Công an thành phố P đầu thú, giao nộp hung khí gây án. Sau khi bị khởi tố, đến ngày 14/3/2023, Nguyễn Nam T đến Cơ quan điều tra đầu thú; còn Nguyễn Đăng K bỏ trốn chưa bắt được. Đối với Trần Hoàng G1, sau khi bị đánh, bị đâm thì được Trần Văn N1 và Trương Phi L2 đưa đến Trung tâm y tế thành phố P cấp cứu nhưng đã tử vong.

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi số 338/KL-KTHS ngày 07/5/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh K đối với Trần Hoàng G1 như sau:

1. Các kết quả chính:

- Trên người nạn nhân có vết thương dẫn đến tử vong ở đường nách giữa bên trái cách hõm nách trái 20cm, vết thương đã khâu 02 mũi chỉ, cắt chỉ khâu vết thương có kích thước 1,4cm x 0,7cm, bờ mép sắc gọn, sâu vào khoang ngực bụng theo hướng chéch xuống và chéch ra sau. Vùng lưng phải cạnh đốt sống thắt lưng L5 có vết thương kích thước 1,2cm x 0,5cm, bờ mép sắc gọn sâu qua lớp da.

- Bầm tụ máu và phù nề hốc mắt trái và thái dương trái.
- Tụ máu dưới da đầu vùng trán phải và trán trái.
- Tụ máu dưới da đầu vùng thái dương phải.
- Tụ máu cơ thái dương hai bên.
- Đứt thủng cơ hoành bên trái dài 2cm.
- Đứt lách dài 2cm, xuyên thấu từ mặt hoành sang mặt dạ dày.
- Đứt lìa động mạch lách.
- Thủng mạc nối lớn.
- Tụ máu dưới da - cơ vùng ngực phải và ngực trái.

- Phổi trái xẹp. Khoang màng phổi trái có khoảng 2000ml máu loãng.
- Ổ bụng có khoảng 200ml máu loãng.

Bệnh án ngoại khoa của Trung tâm y tế thành phố P với chuẩn đoán: Đa thương khai do bạo lực xung đột/vết thương thấu ngực trái.

2. Nguyên nhân chết: sốc mất máu cấp do vết thương thấu vùng ngực bụng trái gây đứt xuyên thấu lách và đứt lia động mạch lách trên người có chấn thương phần mềm.

3. Cơ chế hình thành thương tích:

Vết thương ở đường nách giữa bên trái dẫn đến tử vong và vết thương vùng lưng phải trên người nạn nhân Trần Hoàng G1 có đặc điểm phù hợp với đặc điểm vết thương do vật sắc nhọn gây nên.

Các vết thương khác trên người nạn nhân Trần Hoàng G1 có đặc điểm phù hợp với đặc điểm vết thương do vật tày gây nên.

* Bản kết luận giám định pháp y vật gây thương tích số 371/KL-KTHS ngày 29/4/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh K kết luận đối với cây dao do Nguyễn Hoàng D giao nộp khi đầu thú như sau:

Cây dao gửi giám định gây được vết thương ở đường nách giữa bên trái và vết thương ở vùng lưng phải trên tử thi Trần Hoàng G1.

* Kết luận giám định kỹ thuật số, số: 1136/KJL-KTHS ngày 29/11/2022 của Phòng K2 Công an tỉnh K đối với các tệp video do ông Bùi Tấn L1 giao nộp như sau:

* Các tệp video gửi giám định có thời lượng: Tệp video “CH00_2022-04-09J200000_2022-04-09_210001_ID0137.AVI” có thời lượng 01 giờ 00 phút. Tệp video CH00_2022-04-09_200001_2022-04-09_210001_ID0152.AVI có thời lượng 01 giờ 00 phút; Tệp video CH02_2022-04-09_200000_2022-04-09_210000_ID0139.AVI” có thời lượng 59 phút giờ 59 giây; Tệp video “CH08_2022-04-09_200001_2022-04-09_210000^lJD0150.AVI” có thời lượng 59 phút giờ 59 giây.

Không phát hiện thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp video mẫu cần giám định.

- Trích xuất 43 (bốn mươi ba) tập ảnh của các tệp video gửi giám định (các tệp ảnh được lưu trong đĩa DVD kèm theo).

Kèm theo kết luận giám định: 01 đĩa DVD chứa 43 tệp ảnh lưu trong mục “Anh” có tổng dung lượng 11.7MB được trích xuất trong các đoạn camera gửi giám định.

+ *Việc thu giữ, xử lý vật chứng:*

* 01 cây dao bấm xếp dài 22,5cm, cán dài 13cm bằng kim loại được ốp gỗ màu đen, lưỡi dao bằng kim loại màu trắng dài 9,5cm sắc nhọn, nơi rộng nhất 1,5cm, cây dao đã qua sử dụng. Cây dao được niêm phong trong 01 bì thư và có đóng dấu giáp lai bằng dấu tròn màu đỏ của Phòng K2 Công an tỉnh K, có chữ ký của ông Lê Vũ H6, Danh Minh H7, Trần Hoàng T21.

* 04 cây roi điện màu đen, mỗi cây dài 16m, nơi rộng nhất 4,7cm, trên roi điện có ghi dòng chữ “60000k VOLT 928 TYPE Direct-current ultrahigh voltage”. Đã qua sử dụng.

* Đối với các xe mô tô do Nguyễn Quang Minh C, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ điều khiển đi gây án như xe biển số: 59P2 - 818.82; xe biển số: 94Ft- 111.18 và xe Wave (loại xe Trung Quốc), không rõ biển số. Sau khi gây án, các bị can chạy về để tại bar 9E, Cơ quan điều tra tổ chức truy tìm nhưng chưa thu giữ được, khi nào thu được xử lý sau.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Sirius do Huỳnh Thanh T1 điều khiển chở Nguyễn Trung T2, là của ông Nguyễn Văn H4, cho Trung T2 mượn để làm phương tiện đi lại hàng ngày, việc Trung T2 sử dụng đi gây án, ông H4 không biết nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 26/CT-VKSTKG-P2 ngày 10/5/2023 của Viện kiểm sát nhân tỉnh Kiên Giang đã truy tố các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Quang Minh C, Nguyễn Trung T2, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ, Trần Tấn P, về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2023/HS-ST ngày 22/8/2023, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang quyết định:

1. Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

*Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Hoàng D** phạm tội “Giết người”;*

*Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hoàng D** 18 (mười tám) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022.*

- Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017

*Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Nam T** phạm tội “Giết người”;*

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Nam T 14** (mười bốn) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 11 tháng 3 năm 2023.

- Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Thanh Tông phạm t** “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh T1 16** (mười sáu) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 02 năm 2023.

- Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo **Nguyễn Trung T2, Trần Đức T3, Nguyễn Quang Minh C, Trần Tấn P và Nguyễn Hữu T4** phạm tội “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Trung T2 14** (mười bốn) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022;

Xử phạt bị cáo **Trần Đức T3 13** (mười ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang M1 C 16** (mười sáu) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022;

Xử phạt bị cáo **Trần Tấn P 13** (mười ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T4 13** (mười ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022.

- Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh Đ** phạm tội “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh Đ 14** (mười bốn) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022.

2. Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 591 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường các khoản thiệt hại còn lại và cấp dưỡng nuôi con của bị hại là Trần Khôi N3, sinh ngày 05/4/2013 cho đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị T5 nhận, phần của từng bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng D phải bồi thường 66.027.500 đồng (sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

- Bị cáo Nguyễn Nam T phải bồi thường 56.027.500 đồng (năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

- Bị cáo Huỳnh Thanh T1 phải bồi thường 44.027.500 đồng (bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

- Bị cáo Nguyễn Trung T2 phải bồi thường 44.027.500 đồng (bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

- Bị cáo Trần Đức T3 phải bồi thường 24.027.500 đồng (hai mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

- Bị cáo Nguyễn Quang Minh C1 phải bồi thường 44.027.500 đồng (bốn mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

- Bị cáo Trần Tấn P phải bồi thường 48.027.500 đồng (bốn mươi tám triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

- Bị cáo Nguyễn Hữu T4 phải bồi thường 56.027.500 đồng (năm mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng);

- Bị cáo Nguyễn Thanh Đ phải bồi thường 66.027.500 đồng (sáu mươi sáu triệu không trăm hai mươi bảy ngàn năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 23/8/2023, bị cáo Trần Tấn P kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/8/2023, bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4 và Trần Đức T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Nguyễn Quang Minh C1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại tội danh của bị cáo.

Ngày 03/9/2023 bị cáo Huỳnh Thanh T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 05/9/2023, đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị T5 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tăng nặng hình phạt đối với tất cả các bị cáo và buộc các bị cáo bồi thường thêm tiền tổn thất tinh thần là 180.000.000 đồng, tiền chi phí mai tang là 219.000.000 đồng và tiền cấp dưỡng nuôi con của bị hại là 432.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ và Trần Tấn P trình bày: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu. Thống nhất tự nguyện nâng mức bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của bị hại là cháu Trần Khôi N3 với tổng số tiền 684.000.000 đồng và chia đều số tiền bồi thường này cho 09 bị cáo, tương đương mỗi bị cáo bồi thường 76.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị T5, trừ đi số tiền các bị cáo đã bồi thường trong quá trình giải quyết vụ án.

Các bị cáo Trần Tấn P, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Huỳnh Thanh T1 vẫn giữ kháng cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Nguyễn Quang Minh C trình bày: Bị cáo thừa nhận có tác động vào thân thể bị hại nhưng cho rằng hành vi của bị cáo không phạm tội giết người do bị cáo không có ý muốn giết bị hại nên kháng cáo kêu oan. Đồng thời, bị cáo thống nhất ý kiến của các bị cáo khác về việc tự nguyện nâng mức bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của bị hại lên thành 76.000.000 đồng/bị cáo cho đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị T5.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Hoàng D; Trần Tấn P; Nguyễn Nam T là Luật sư Thái Đức G trình bày: Mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo là có **phần nghiêm khắc**. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sự tự nguyện của các bị cáo về việc bồi thường thêm cho đại diện hợp pháp của bị hại là tình tiết giảm nhẹ mới, riêng bị cáo T4 đã thực hiện xong việc bồi thường thêm 10.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại và có xác nhận hộ nghèo, để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Huỳnh Thanh T1 là Luật sư Trần Dương Hoàng T16 trình bày: Bị cáo Tòng phạm tội do muốn bênh vực bạn; bị cáo đã thể hiện thái độ ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo; tự nguyện khắc phục hậu quả; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo còn tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình bị hại. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo Nguyễn Quang M1 C là Luật sư Lại Hùng A trình bày: Thống nhất về tội danh mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử đối với bị cáo. Về hình phạt, vai trò của bị cáo C là thứ yếu, không tích cực; bị cáo đã tác động gia đình bồi thường thiệt hại; bị cáo thừa nhận có tác động đến bị hại, nhưng do nhận thức của bị cáo nên bị cáo cho rằng không phạm tội “Giết người” chứ không phải bị cáo cố tình quanh co chối tội; bị cáo có nhân thân tốt; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo cũng tự nguyện bồi thường thêm cho gia đình bị hại nên mức án 16 năm là nặng so với các bị cáo khác. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị T5 trình bày: Bà T5 tự nguyện rút một phần kháng cáo đối với yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với tất cả các bị cáo, vẫn giữ kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự, yêu cầu Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về việc đồng ý nâng mức bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của bị hại lên 684.000.000 đồng, tương đương mỗi bị cáo bồi thường 76.000.000 đồng cho đại diện hợp pháp của bị hại.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo D 18 năm tù, các bị cáo T1 và C 16 năm tù, T, Trung T2 và Đ 14 năm tù, Đức T3, P và T4 13 năm tù về tội “Giết người”, là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P và Huỳnh Thanh T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không xuất trình được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nào mới mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận. Đối với kháng cáo kêu oan của bị cáo C là không có căn cứ vì hành vi của bị cáo C đã thể hiện sự đồng tình tích cực, khi chỉ nghe nhân viên quán nói lại mà bị cáo đã kêu Nguyễn Nam T cùng đi qua quán Quốc Huỳnh I để đánh tiếp K, cho thấy bị cáo đã tiếp nhận ý chí của các bị cáo khác trong việc đi đánh G1 và chấp nhận hậu quả xảy ra, do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử bị cáo phạm tội giết người là không oan.

Đối với kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại tự nguyện rút kháng cáo về phần hình phạt đối với các bị cáo nên đề nghị đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này. Đối với kháng cáo về phần trách nhiệm dân sự của đại diện hợp pháp của bị hại là không có cơ sở, tuy nhiên, các bị cáo đã tự nguyện nâng mức bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của bị hại lên thành 76.000.000 đồng/mỗi bị cáo cho đại diện hợp pháp của bị hại, xét thấy đây là sự tự nguyện của các bị cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Từ các phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo về hình phạt của đại diện hợp pháp của bị hại; bác kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P và Huỳnh Thanh T1 và kháng cáo về phần dân sự của đại diện hợp pháp của bị hại, giữ nguyên bản án sơ thẩm, đồng thời ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo về trách nhiệm dân sự như phân tích trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan, người tiến hành tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh K, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị hại xin rút lại yêu cầu kháng cáo tăng nặng hình phạt đối với các bị cáo. Xét việc rút kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo này của đại diện hợp pháp của bị hại như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ và Trần Tấn P đã thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã nêu; bị cáo Nguyễn Quang Minh C1, không thừa nhận hành vi phạm tội. Tuy nhiên, căn cứ lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, lời khai của người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[3.1] Vào khoảng 21 giờ 30 phút ngày 09/4/2022, tại số D đường N, khu phố A, phường D, thành phố P, Kiên Giang, do mâu thuẫn với nhau trong lúc nhậu tại quán, Nguyễn Đăng K và Trần Hoàng G1 cự cãi, thách thức đánh nhau; nghe vậy, Huỳnh Thanh T1 kêu Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Quang Minh C1 và Trần Tấn P (là nhân viên bảo vệ ở quán bar G2 đó) đi đến để đánh G1 tiếp K. Hậu quả là Trần Hoàng G1 bị nhóm của K dùng tay đánh, dùng giày đá, trong đó Nguyễn Hoàng D dùng con dao (loại dao bấm xếp) đâm 01 nhát trúng vào hông, 01 nhát trúng vào lưng G1 dẫn đến G1 tử vong do sốc mất máu cấp do vết thương thấu vùng ngực bụng trái gây đứt xuyên thấu lách và đứt lìa động mạch lách.

[3.2] Mặc dù không có mâu thuẫn gì với bị hại nhưng Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Quang Minh C, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ và Trần Tấn P vực K mà bị cáo đã cùng nhau tước đoạt tính mạng của bị hại. Hành vi của các bị cáo thể hiện tính côn đồ, hung hăng, thích giải quyết mâu thuẫn bằng bạo lực.

[3.3] Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Quang Minh C, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ và Trần Tấn P phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ.

Đối với đối tượng tên T17, tham gia đánh bị hại Trần Hoàng G1. Đến nay chưa xác định được nhân thân nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xử lý sau.

Đối với bị can Nguyễn Đăng K, Cơ quan điều tra đã ra quyết định truy nã, khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[4] Hành vi của các bị cáo là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm tính mạng của bị hại trái pháp luật, gây đau thương, mất mát cho gia đình bị hại, tạo tâm lý hoang mang, bất bình trong quần chúng nhân dân, đồng thời còn gây mất trật tự an ở địa phương. Hành vi của các bị cáo thể hiện ý thức xem thường pháp luật và bất chấp hậu quả xảy ra cho bị hại. Do đó, cần phải xử lý nghiêm mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P và Huỳnh Thanh T1.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định các bị cáo này không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và áp dụng cho các bị cáo các tình tiết giảm nhẹ gồm: các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS. Các bị cáo T1, Đức T3, T4 có tác động gia đình bồi thường một phần thiệt hại được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Các bị cáo Đ, Đức T3, T4, P ra đầu thú nên được áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, từ đó xử phạt bị cáo T1 16 năm tù, Đ 14 năm tù, Đức T3, P và T4 13 năm tù. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo tiếp tục thể hiện thái độ thành khẩn, ăn năn hối cải và thống nhất nâng mức bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của bị hại cho đại diện hợp pháp của bị hại với số tiền 76.000.000 đồng/bị cáo, trong đó bị cáo T4 đã thực hiện việc bồi thường thêm 10.000.000 đồng và được đại diện hợp pháp của bị hại xác nhận. Đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận

kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P và Huỳnh Thanh T1.

[6] Xét kháng cáo kêu oan của bị cáo Nguyễn Quang Minh C1.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Quang Minh C1 thừa nhận có tác động vào bị hại nhưng cho rằng chỉ nhằm để G1 không đánh K chứ không cố ý giết người nên không phải chịu trách nhiệm hình sự chung với các bị cáo khác. Hội đồng xét xử thấy rằng, hành vi của bị cáo C1 đã thể hiện sự đồng tình tích cực, khi chỉ nghe nhân viên quán nói lại mà bị cáo đã kêu Nguyễn Nam T cùng đi qua quán Quốc Huỳnh I để đánh tiếp K, cho thấy bị cáo đã tiếp nhận ý chí của các bị cáo khác trong việc đi đánh G1 và chấp nhận hậu quả xảy ra. Hơn nữa, khi thấy K và G1 đánh nhau bị cáo đã xông vào đánh G1, xô đẩy G1 ngay lúc đó, sau khi cùng đám đông đánh G1 nằm gục tại chỗ, thay vì xem xét tình trạng thương tích bị hại thì để T1 lùi xe ra, bị cáo đã kéo lê hất mạnh làm đầu của G1 đập lên nền nhà xe rồi bỏ đi. Tại phiên tòa, các bị cáo Đ, P và T4 đều xác định bị cáo C1 có tham gia đánh bị hại. Hành vi của bị cáo C1 đã thể hiện được sự quyết liệt, côn đồ của bị cáo khi phạm tội nên Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo phạm tội “Giết người” theo quy định tại điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự là đúng quy định, không oan.

Khi lượng hình, Tòa án cấp sơ thẩm cũng đã áp dụng đầy đủ tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, từ đó xử phạt bị cáo 16 năm tù là phù hợp. Tại phiên tòa, bị cáo tự nguyện nâng mức bồi thường và cấp dưỡng nuôi con cho đại diện hợp pháp của bị hại thành 76.000.000 đồng nhưng bị cáo vẫn một mực kêu oan và cho rằng bị cáo không phạm tội. Điều này cho thấy bị cáo chưa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[7] Đối với kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại về phần trách nhiệm dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo đồng ý nâng mức bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của bị hại cho đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị T5 với tổng số tiền là 684.000.000 đồng và thống nhất chia đều số tiền bồi thường này cho 09 bị cáo, tương đương mỗi bị cáo phải bồi thường 76.000.000 đồng. Trừ đi số tiền các bị cáo đã bồi thường gồm: bị cáo T 10.000.000 đồng, bị cáo T1, bị cáo Trung T2, C1 đã bồi thường mỗi bị cáo 22.000.000 đồng, bị cáo Đức T3 đã bồi thường 42.000.000 đồng, bị cáo P đã bồi thường 18.000.000 đồng, bị cáo T4 đã bồi thường 20.000.000 đồng. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của các bị cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho đại diện hợp pháp của bị

hại nên Hội đồng xét xử ghi nhận, chấp nhận kháng cáo của bà T5, sửa án sơ thẩm phần này.

[8] Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm, đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần kháng cáo về hình phạt của đại diện hợp pháp của bị hại; không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang Minh C1; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P, Huỳnh Thanh T1 và kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại về trách nhiệm dân sự, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm như phân tích tại mục [6] và [7].

[9] Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực theo quy định của pháp luật.

[10] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P, Huỳnh Thanh T1 không phải chịu; bị cáo Nguyễn Quang Minh C1 phải chịu.

[11] Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị T5 không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị T5 về phần hình phạt đối với các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Quang Minh C, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ và Trần Tấn P.

2. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Quang Minh C1; Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P, Huỳnh Thanh T1; chấp nhận kháng cáo của đại diện hợp pháp của bị hại là bà Trần Thị T5 về phần trách nhiệm dân sự. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang về hình phạt của các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P, Huỳnh Thanh T1 và trách nhiệm dân sự.

3. Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Huỳnh Thanh T1** phạm tội “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Thanh T1** 15 (mười lăm) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 02 năm 2023.

- Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố các bị cáo **Trần Đức T3, Nguyễn Quang Minh C, Trần Tấn P và Nguyễn Hữu T4** phạm tội “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Trần Đức T3** 12 (mười hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Quang Minh C** 16 (mười sáu) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022;

Xử phạt bị cáo **Trần Tấn P** 12 (mười hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hữu T4** 12 (mười hai) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022.

- Căn cứ vào: điểm n khoản 1 Điều 123; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thanh Đ** phạm tội “Giết người”;

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh Đ** 13 (mười ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 10 tháng 4 năm 2022.

4. Bản án hình sự sơ thẩm số 63/2023/HS-ST ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang tuyên về phần tội danh và hình phạt của các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Nguyễn Trung T2 có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 18/12/2023.

5. Tiếp tục tạm giam các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Quang Minh C, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ và Trần Tấn P để đảm bảo thi hành án.

6. Về trách nhiệm bồi thường: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 591 Bộ luật dân sự.

Ghi nhận sự tự nguyện của các bị cáo Nguyễn Hoàng D, Nguyễn Nam T, Huỳnh Thanh T1, Nguyễn Trung T2, Nguyễn Quang Minh C, Trần Đức T3, Nguyễn Hữu T4, Nguyễn Thanh Đ và Trần Tấn P về việc nâng mức bồi thường và cấp dưỡng nuôi con của bị hại cho đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị T5 nhận tổng số tiền là 684.000.000 đồng, trong đó mỗi bị cáo bồi thường 76.000.000 đồng.

Buộc các bị cáo có nghĩa vụ bồi thường các khoản thiệt hại còn lại và cấp dưỡng nuôi con của bị hại là Trần Khôi N3, sinh ngày 05/4/2013 cho đại diện hợp pháp của bị hại bà Trần Thị T5 nhận, phần của từng bị cáo như sau:

- Bị cáo Nguyễn Hoàng D phải bồi thường 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng);

- Bị cáo Nguyễn Nam T phải bồi thường 66.000.000 đồng (sáu mươi sáu triệu đồng);

- Bị cáo Huỳnh Thanh T1 phải bồi thường 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng);

- Bị cáo Nguyễn Trung T2 phải bồi thường 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng);

- Bị cáo Trần Đức T3 phải bồi thường 34.000.000 đồng (ba mươi bốn triệu đồng);

- Bị cáo Nguyễn Quang M1 C phải bồi thường 54.000.000 đồng (năm mươi bốn triệu đồng);

- Bị cáo Trần Tấn P phải bồi thường 58.000.000 đồng (năm mươi tám triệu đồng);

- Bị cáo Nguyễn Hữu T4 phải bồi thường 56.000.000 đồng (năm mươi sáu triệu đồng);

- Bị cáo Nguyễn Thanh Đ phải bồi thường 76.000.000 đồng (bảy mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất qui định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác..

7. Án phí hình sự phúc thẩm:

Các bị cáo Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Hữu T4, Trần Đức T3, Trần Tấn P, Huỳnh Thanh T1 không phải chịu;

Bị cáo Nguyễn Quang Minh C1 phải chịu 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng.

8. Án phí dân sự phúc thẩm: bà Trần Thị T5 không phải chịu.

9. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Kiên Giang; (10)
- VKSND tỉnh Kiên Giang; (1)
- Công an tỉnh Kiên Giang; (1)
- Sở tư pháp Kiên Giang; (1)
- Cục THADS Kiên Giang; (1)
- TTG CA tỉnh Kiên Giang (1)
- “Đề tổng đạt cho bị cáo”; (9)
- Lưu hồ sơ vụ án (1), VP (5). 31b. (PPC).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Vũ Ngọc Huỳnh